Sắc Tu Bách Trượng Thanh Qui - Tập 8 {Việt Hán} (HT Thích Phước Sơn, Lý Việt Dũng dịch)

Thiền Tông — sách & giảng giải

Quyeån thöù 8

[1155b09]

[4]

SAÉC TU BAÙCH TRÖÔÏNG THANH QUI QUYEÅN ÑEÄ BAÙT * * ÑAÏI TRÍ THOÏ THAÙNH THIEÀN TÖÏ TRUÏ TRÌ THAÀN, TAÊNG ÑÖÙC HUY PHUÏNG SAÉC TRUØNG BIEÂN ÑAÏI LONG TÖÔØNG TAÄP KHAÙNH TÖÏ TRUÏ TRÌ THAÀN, TAÊNG ÑAÏI HAÂN PHUÏNG SAÉC HIEÄU CHÍNH * PHAÙP KHÍ CHÖÔNG ÑEÄ CÖÛU [1155b09] Thượng cổ chi thế hữu hoá nhi vô giáo, hoá bất túc nhi lễ nhạc tác diên. Kích nhưỡng chi ca bất như cửu thành chi tấu, Oa tôn chi ẩm bất nhược ngũ tề chi thuần, nhiên văn sinh ư chất quí hồ bổn dã. Ngô Thiên Trúc Thánh nhân tối sơ thị hoá, vị nhân nhân diệu giác bổn vô phàm thánh, vật vật toàn chân ninh hữu tịnh uế, vô giả tu chứng bất thiệp công dụng. Nhi muội giả mang nhiên tự thất, nhược lung cổ diên. Ư thị tuỳ cơ thiết giáo, kích kiền chuỳ, dĩ tập chúng diễn chi vi tam tạng, tu chi vi thiền định. Ngật vu tứ thập cửu niên nhi hoá nghi chung hỹ. Phạn ngữ kiền chuỳ, phàm ngoã mộc đồng thiết chi hữu thanh giả, nhược chung khánh nạo cổ chuỳ bản loa bối. Tùng lâm chí kim phỏng kỳ chế nhi dụng chi, vu dĩ cảnh hôn đãi, túc giáo lệnh, đạo u trệ nhi hoà thần nhân dã. Nhược phù đại định thường ứng, đại dụng thường tịch, văn phi hữu văn, giác diệc phi giác, dĩ khảo dĩ kích huyền phong tái dương, vô tư vô vi hoá nhật tự vĩnh, ung ung hồ nhân thọ chi vực, thanh thái chi đô hỹ.

SAÉC TU BAÙCH TRÖÔÏNG THANH QUI QUYEÅN 8 ** TRUÏ TRÌ CHUØA THIEÀN ÑAÏI TRÍ THOÏ THAÙNH LAØ TAÂNG BEÀ TOÂI ÑÖÙC HUY PHUÏNG SAÉC CHÆ BIEÂN SOAÏN LAÏI TRUÏ TRÌ CHUØA ÑAÏI LONG TÖÔØNG TAÄP KHAÙNH LAØ TAÂNG BEÀ TOÂI ÑAÏI HAÂN PHUÏNG SAÉC CHÆ HIEÄU CHÍNH * CHÖÔNG 9 – PHAÙP KHÍ [1155b09] Đời thượng cổ có cảm hóa mà không có giáo huấn. Nhưng vì cảm hóa không đủ nên phải tạo ra lễ nhạc. Ca bằng kích nhưỡng không bằng tấu khúc cửu thành; dùng chén oa tôn không bằng sử dụng ngũ tề. Văn hoa phát sinh từ thực chất, nên cái quý giá là bản chất vậy. Bậc thánh nhân của ta người Thiên Trúc, ban đầu dạy dỗ giáo hóa chúng sinh cho rằng mọi người đều có diệu giác, không ai phàm, ai thánh; muôn vật đều thuần chân, há có cái gì dơ, cái gì sạch. Không cần nhờ đến sự tu chứng, chẳng liên quan gì đến việc dụng công. Nhưng mà những kẻ mê muội, lù mù ngớ ngẩn như mù lòa, điếc lác. Bởi thế, đức Thế Tôn tùy theo căn cơ mà thiết lập giáo pháp, đánh kiền chùy, họp tăng chúng, tuyên thuyết ba tạng Thánh giáo, tu tập theo pháp môn thiền định. Trải qua 49 năm thì hoá nghi xong. Thế rồi, các bậc cổ đức dùng các thứ như ngói, gỗ, đồng, sắt có thể phát ra âm thanh chế tạo thành chuông, khánh, nạo bạt, cái dùi (chùy), bản, loa, bối mà tiếng Phạn gọi là

Kiền chùy để sử dụng. Và thiền lâm từ xưa đến nay mô phỏng theo đó mà chế tạo ra các pháp khí dùng để đánh thức những kẻ hôn trầm, lười biếng, khiến họ nghiêm túc tuân theo quy củ mà giải trừ sự trì trệ trở thành người lanh lợi sáng suốt. Nếu bàn về đại định thì thường vắng lặng có công dụng lớn lao: nghe mà chẳng phải nghe, biết mà cũng như không biết; nhờ có khua động kích thích mà ngọn gió mầu nhiệm thổi tung; không suy nghĩ, không hành động mà hóa nhựt trường cửu; thênh thang thay cảnh giới nhân ái trường thọ; ung dung thay xứ sở an ổn thái bình! * * * [1155b23]

( )
[1155b29]
CHUNG – ÑAÏI CHUNG [1155b23] Tùng lâm hiệu lệnh tư thỉ
dã, hiểu kích tắc phá trường dạ, cảnh thuỵ miên, mộ kích tắc giác hôn

cù, sớ minh muội, dẫn chử nghi hoãn, dương thanh dục trường. Phàm tam thông các tam thập lục hạ, tổng nhất bách bát hạ, khởi chỉ tam hạ sảo khẩn. Minh chung hành giả tưởng niệm kệ vân: “Nguyện thử chung thanh siêu pháp giới, Thiết vi u ám tất giai văn. Văn trần thanh tịnh chứng viên thông. Nhất thiết chúng sinh thành Chánh giác.” Nhưng xưng Quán Thế Âm Bồ-tát danh hiệu. Tuỳ hiệu khấu kích kỳ lợi thậm đại. [1155b29] Ngộ thánh tiết khán kinh thượng điện hạ điện, tam bát niệm tụng, Phật đản, thành đạo, Niếtbàn, kiến tán Lăng nghiêm hội, phúng kinh trai chúc Quá đường nhập định thời, các nhất thập bát hạ; như tiếp tống quan viên, Trụ trì tôn túc, bất dĩ số hạn. Khố ty chủ chi. CAÙC LOAÏI CHUOÂNG – ÑAÏI HOÀNG CHUNG [1155b23] Hiệu lệnh của Tùng lâm nhờ vào các loại chuông này. Đánh vào buổi sáng là để phá tan đêm dài, đánh thức sự ngủ nghỉ, còn đánh vào buổi chiều là để thức tỉnh hôn mê, giải tỏa u ám. Kéo chày dộng chuông phải chậm rãi khiến cho tiếng vang được kéo dài. Thông thường mỗi lần đánh là ba hồi, mỗi hồi ba mươi sáu tiếng, tổng cộng là 108 tiếng. Khi khởi đầu và lúc kết thúc phải nhịp ba tiếng, hơi nhanh một chút, và người đánh chuông tưởng

niệm bài kệ:

“Nguyện tiếng chuông này siêu pháp giới, Thiết vi tăm tối thảy đều nghe. Sức nghe thanh tịnh chứng viên thông, Hết thảy chúng sinh thành Chánh giác”. Đồng thời niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, vừa đánh, vừa niệm lợi ích rất lớn. [1155b29] Nếu gặp ngày Thánh tiết, tụng Kinh, ra vào chánh điện, nhằm dịp tụng niệm các ngày mồng tám, mười tám, hăm tám, các ngày lễ Phật đản sinh, thành đạo, Niết-bàn, hay lúc thiết lập pháp hội Lăng nghiêm, lúc cơm cháo quá đường, nhập định đều đánh 108 tiếng. Còn khi đánh để đưa đón các quan viên, Trụ trì, tôn túc thì không hạn chế 108 tiếng mà có thể tùy nghi nhiều hay ít. Việc này do Khố ty chủ trì. * * * [1155c03]
()
TAÂNG ÑÖÔØNG CHUNG [1155c03] Phàm tập chúng tắc kích
chi. Ngộ trụ trì mỗi phó chúng nhập đường thời minh thất hạ, trai chúc hạ đường thời, phóng tham thời, đán vọng tuần đường khiết trà hạ sàng thời, các tam hạ (Trụ trì hoặc

bất phó đường, hoặc tại giả tắc bất minh). Đường tiền niệm tụng thời niệm Phật nhất thanh, khinh minh nhất hạ, mạt điệp nhất hạ. Đường ty chủ chi. CHUOÂNG TREO ÔÛ TAÂNG ÑÖÔØNG [1155c03] Chuông này dùng để đánh khi tập họp Tăng chúng. Mỗi khi Trụ trì đến thăm đại chúng hay vào tăng đường thì đánh bảy tiếng. Còn khi kết thúc các bữa cơm cháo Tăng chúng rời khỏi trai đường, lúc phóng tham, các ngày mồng một, ngày rằm, lúc tuần đường, uống trà, rời khỏi thiền sàng thì đánh ba tiếng (nhưng nếu Trụ trì không đến tham dự hay vắng mặt thì không đánh). Khi Tăng chúng niệm tụng tại Tăng đường thì mỗi tiếng niệm Phật đánh nhẹ một tiếng và cuối cùng đánh “double” (xấp đôi) một tiếng. Việc này do Đường ty chủ trì. * * * [1155c07]
[1155c10]

ÑIEÄN CHUNG
[1155c07] Trụ trì triêu mộ hành hương thời minh thất hạ. Phàm tập chúng thượng điện, tất dữ Tăng đường chung tương ứng tiếp kích chi. Tri điện chủ chi. [1155c10] Cảm Thông truyện vân: “Câu Lưu Tôn Phật ư Càn Trúc Tu-đa-la viện, tạo thanh thạch chung. Ư nhật xuất thời hữu chư hoá Phật dữ nhật câu xuất, mật thuyết hiển diễn thập nhị bộ kinh. Văn pháp chứng thánh bất khả thắng số”. Tăng Nhất A-hàm kinh vân: “Nhược đả chung thời nhất thiết ác đạo chư khổ tịnh giai đình chỉ”. Hựu Kim lăng chí vân: “Dân hữu bạo tử nhập minh ty, kiến hữu ngũ mộc luy giới giả, cáo chi viết: ‘Ngô Nam Đường tiên chủ dã, dĩ Tống Tề binh chi ngộ sát hoà châu hàng giả trí thử, mỗi văn chung thanh tạm tức ngô khổ, trượng nhữ qui bạch tự quân, vị ngô tạo chung’. Dân hoàn cụ văn Hậu Chủ. Nhân tạo đại chung ư Thanh Lương tự, tuyên viết tiến liệt tổ Hiếu Cao hoàng đế thoát u, xuất ách.” CHUOÂNG ÑEÅ ÔÛ CHAÙNH ÑIEÄN [1155c07] Vào các buổi sáng và tối, khi Trụ trì vào thắp hương, đánh bảy tiếng chuông này. Thông thường khi tập hợp tăng chúng lên chánh điện thì

đánh chuông này nối tiếp với chuông ở tăng đường, và do Duy-na điều khiển. [1155c10] Truyện Cảm thông kể rằng: “Đức Phật Câu-lưu-tôn khi ở viện Càn Trúc Tu-đa-la có chế

tạo một cái chuông bằng đá xanh. Vào lúc mặt trời xuất hiện có các vị Hóa Phật cùng xuất hiện một lần với mặt trời, đã bí mật tuyên thuyết hiển giáo, và được xếp thành mười hai thể loại Kinh điển. Những người được nghe giáo pháp này chứng đắc Thánh quả không thể kể xiết". Kinh Tăng nhất A-hàm cũng nói: "Khi đánh chuông, tất cả mọi nỗi khổ trong đường ác đều được ngừng lại". Còn sách Kim lăng chí viết: "Thuở ấy, có một người dân bị chết đột ngột, xuống cõi âm ty, thấy một người bị gông cùm bằng năm thanh gỗ nói với ông: 'Ta là tiên chúa của Nam Đường, vì ta giết nhầm quân Tống Tề và quân đầu hàng của một châu mà đến nỗi này. Mỗi lần được nghe tiếng chuông thì sự đau khổ của ta tạm thời chấm dứt. Nhờ ngươi khi trở về dương thế nói với tự quân (vua kế ngôi) đúc đại Hồng chung mà đánh để giúp ta bớt khổ'. Tên dân ấy khi được sống lại, trở về dương thế, thuật lại đầy đủ với Hậu chúa. Nhân đó, Hậu chúa cho đúc đại Hồng chung treo tại chùa Thanh Lương, trên chuông khắc hàng chữ "Kính dâng liệt tổ khảo cao hoàng đế thoát cảnh u đồ, lìa nơi ách nạn". *

[1155c21]
[7]
BAÛN [1155c21] Đại bản trai
chúc nhị thời trường kích tam thông. Mộc ngư hậu tam hạ điệp điệp kích chi, vị chi trường bản. Niệm tụng Lăng nghiêm hội, cảnh giới hoả chúc, các minh tam hạ, báo canh tắc tuỳ canh thứ đệ kích chi. Phương trượng, Khố ty, Thủ toạ liêu cập chư liêu, các hữu tiểu bản, khai tĩnh thời giai trường kích chi, báo chúng thời các minh nhị hạ. Chúng liêu nội ngoại các hữu bản. Ngoại bản mỗi nhật đại chúng vấn tấn thời tam hạ, toạ thiền, toạ tham thời các tam hạ, hậu chúng quy đường thứ đệ minh chi, điểm trà thang thời trường kích chi. Nội bản quải đáp qui liêu thời tam hạ, trà thang hành trản nhị hạ, thu trản nhất hạ, thoái toà tam hạ. Tiểu toà thang trường kích chi. BAÛN

[1155c21] Bản lớn dùng để đánh vào hai bữa cơm và cháo. Sau khi đánh ba tiếng mõ thì tiếp đánh ba hồi bản dài, gọi là trường bản. Lúc tụng kinh Lăng nghiêm hay cảnh giác về việc củi lửa thì đánh ba tiếng, còn khi báo canh thì tùy theo canh giờ tuần tự mà đánh. Tại phòng phương trượng, Khố ty, liêu Thủ tọa và các liêu của đại chúng đều có loại bản nhỏ. Bản này, khi khai tĩnh (đánh thức chúng) thì đánh một hồi dài, khi thông báo cho đại chúng thì đánh ba tiếng. Các liêu của tăng chúng đều có hai loại bản, bản để trong liêu và bản đặt ngoài liêu. Bản đặt ngoài liêu, hằng ngày khi đại chúng vấn an nhau, đánh ba tiếng; khi đại chúng vào Thiền đường, ngồi thiền, tham vấn đều tuần tự đánh ba tiếng; còn lúc đãi trà nước thì đánh một hồi dài. Bản để trong liêu dùng khi quải đáp, lúc đại chúng trở về liêu phòng, đánh ba tiếng; lúc đem ly tách ra để uống trà nước đánh hai tiếng; lúc thu dọn ly tách đánh một tiếng; lúc kết thúc tiệc trà nước đánh ba tiếng; còn khi đãi nước đơn sơ thì đánh một hồi dài. * * * [1156a02] [1156a04]

MOÄC NGÖ [1156a02] Trai chúc nhị thời trường kích nhị thông; phổ thỉnh tăng chúng trường kích nhất thông; phổ thỉnh thỉnh hành giả nhị thông. [1156a04] Tương truyền vân: "Ngư trú dạ thường tỉnh, khắc mộc tượng hình kích chi, sở dĩ cảnh hôn noạ dã." MOÕ [1156a02] Loại mõ này dùng vào các dịp: hai bữa cơm cháo, đánh hai hồi dài; đợi

khi tập họp tăng chúng để lao động tập thể, đánh một hồi dài; khi triệu tập các hành giả (người làm các tạp sự), đánh hai hồi. [1156a04] Có truyền thuyết cho rằng loài cá đêm ngày thường tỉnh thức, cho nên khắc hình cá vào cây chày gỗ để đánh thì sẽ cảnh tỉnh được sự hôn trầm và lười biếng. * * * [1156a07] [1]

[1156a11]

CHUYØ [1156a07] Trai chúc nhị thời, Tăng đường nội khai bát, niệm Phật xướng thực biến thực, thí tài bạch chúng giai minh chi, Duy-na chủ chi; hạ đường thời Thánh tăng thị giả minh chi. Tri sự cáo thoái thời, thỉnh tri sự thời diệc minh chi. Trụ trì nhập viện khai đường tương thuyết pháp thời, chư sơn Thượng thủ minh chi. Vị chi bạch chuỳ dã. [1156a11] Thế Tôn nhất nhật thăng tòa đại chúng tập định, Văn Thù bạch chuỳ vân: "Đế quán Pháp vương pháp, Pháp vương pháp như thị." Thế Tôn tiện hạ tòa. KIEÀN CHUYØ [1156a07] Loại Kiền chùy này được sử dụng vào các dịp: Hai thời cơm cháo; lúc mở nắp bát tại tăng đường; lúc dọn thức ăn, mời ăn, niệm Phật, lúc bạch chúng bố thí phẩm vật, đều do Duy-na đánh; còn khi rời khỏi trai đường thì do Thị giả đánh. Và khi Tri sự nghỉ việc hay nhậm chức cũng sử dụng Kiền chùy này. Hoặc lúc Trụ trì nhậm chức, lên tòa thuyết pháp, thì các vị Thượng thủ của các chùa bạn đánh, và được gọi là bạch chùy.

[1156a11] Một hôm, đức Thế Tôn lên pháp tòa, đại chúng vân tập đâu đó ổn định, Bồ-tát Văn Thù bạch chùy rằng: "Hãy quán chiếu cẩn thận pháp yếu của đấng Pháp vương. Pháp yếu của đấng Pháp vương là như vậy (chân thật)". Thế rồi, đức Thế Tôn liền bước xuống pháp tòa. * * * [1156a14] []

KHAÙNH

[1156a14] Đại điện tảo mộ, Trụ trì Tri sự hành hương thời, đại chúng khán tụng kinh chú thời, trực điện giả minh chi; xướng y thời, Duy-na minh chi; hành giả phi thế thời, tác phạm xà-lê minh chi. Tiểu thủ khánh Đường ty hành giả thường tuỳ thân, ngộ chúng phúng tụng minh chi, vi khởi chỉ chi tiết. KHAÙNH [1156a14] Khánh lớn do Trực điện đánh khi Trụ trì, Tri sự thắp hương vào hai buổi sớm, tối tại chánh điện, còn khi làm lễ xướng y thì do Duy-na đánh. Lúc hành giả cạo tóc xuất gia thì vị xà-lê đọc bằng tiếng Phạn đánh.

Còn chiếc khánh nhỏ thì Đường ty hành giả thường đem theo bên mình, hễ khi nào gặp tăng chúng tụng kinh thì đánh lên, vì đây là công cụ dùng làm hiệu lệnh cho việc khởi đầu và kết thúc các buổi lễ. [1156a19]

NAO BAÏT [1156a19] Phàm

Duy-na ấp Trụ trì, Lưỡng tự xuất ban thượng hương thời, Tạng điện chúc tán chuyển luân thời, hành giả minh chi. Ngộ nghênh dẫn tống vong thời, hành giả phi thế, đại chúng hành đạo, tiếp tân Trụ trì nhập viện thời, giai minh chi. CHAÄP CHOÕA [1156a19] Khi Duy-na vái chào mời Trụ trì, Lưỡng tự rời vị trí đến thắp hương trước điện Phật, hoặc khi chuyển pháp luân, chúc tán tại tạng điện đều sử dụng đến chập chõa và do hành giả đảm trách. Khi tiếp dẫn vong linh, khi cạo tóc cho hành giả xuất gia, lúc tăng chúng hành đạo, đón tiếp Trụ trì mới đến nhậm chức tại Thiền viện đều

đánh chập chõa. * * *

[1156a23]
(

)

[1156a27]
[1156a28]
[1156a29]
[1156a29]

[1156b01] ()
[1156b02]
[1156b04]

[1156b14] () COẢ – PHAÙP COẢ [1156a23] Phàm
Trụ trì thượng đường, tiểu tham, phổ thuyết, nhập thất tịnh kích chi. Kích cổ chi pháp thượng đường thời tam thông (tiên khinh xao cổ tảng tam hạ, nhiên hậu trùng thủ từ từ kích chi, sử kỳ khẩn mạn tương tham, khinh trọng tương ứng, âm thanh hoà sướng, khởi phục liên hoàn, ẩn ẩn oanh oanh nhược xuân lôi chi chấn thích. Đệ nhất thông diên thanh trường kích, thiểu hiết chuyển đệ nhị thông, liên thanh sảo xúc cánh bất hiết thanh. Tựu chuyển đệ tam thông nhất hướng triền thanh kích chi, hậu Trụ trì đăng toạ tất, phương hiết thanh, song chuỳ liên đả tam hạ). Tiểu tham nhất thông; phổ thuyết ngũ hạ; nhập thất tam hạ, giai đương hoãn kích. Trà cổ [1156a27] Trường kích nhất thông, Thị ty chủ chi. Trai cổ [1156a28] Tam thông, như thượng đường thời, đản tiết hội sảo xúc nhi dĩ.

Phổ thỉnh cổ [1156a29] Trường kích nhất thông. Canh cổ [1156a29] Tảo vãn bình kích tam thông. Dư tuỳ canh thứ kích, Khố ty chủ chi.

Dục cổ [1156b01] Tứ thông thứ đệ hậu chúng kích (kỳ tường kiến tri dục chương), Tri dục chủ chi. [1156b02] Dĩ thượng nghi các hữu thường độ, vô linh thất chuẩn. Nhược tân Trụ trì nhập viện, chư pháp khí nhất tề câu minh. [1156b04] Kim quang minh kinh vân: “Tín Tướng Bồ-tát dạ mộng kim cổ, kỳ trạng xu đại, kỳ minh phổ chiếu, dụ như nhật quang. Quang trung đắc kiến thập phương chư Phật chúng bảo thụ hạ toạ lưu ly tòa, bách thiên quyến thuộc vi nhiễu nhi vi thuyết pháp. Nhất nhân tự bà-la-môn, dĩ

phu kích cổ, xuất đại âm thanh, kỳ thanh diễn thuyết sám hối kệ tụng. Tín Tướng Bồ-tát tùng mộng ngụ dĩ, chí ư Phật sở, dĩ kỳ mộng trung sở kiến kim cổ cập sám hối kệ, hướng Như Lai thuyết." Hựu Lăng nghiêm kinh vân: "A-nan, nhữ canh thính thử Kỳ-đà viên trung thực biện, kích cổ, chúng tập, chàng chung, chung cổ âm thanh tiền hậu tương tục. Ư ý vân hà? Thử đẳng vi thị thanh lai nhĩ biên, nhĩ vãng thanh xứ?" [1156b14] Pháp khí chương chung. CAÙC LOAÏI TROÁNG Troáng duøng khi tieán haønh caùc phaùp söï [1156a23] Khi Trụ trì lên toà thuyết pháp, lúc tiểu tham, phổ thuyết, nhập thất đều đánh trống này. Cách đánh trống: lúc thượng đường đánh ba hồi, trước hết nhịp nhẹ nhẹ vào thành trống ba cái, rồi

mới từ từ đánh mạnh tay khiến cho tiết tấu nhanh chậm thích hợp, sự trầm bỗng tương ưng, âm thanh điều hòa, tiếp nối liên tục, vang vang rền rền, giống như tiếng sấm động mùa xuân. Hồi thứ nhất, tiếng trống chậm rãi kéo dài, nghỉ một lát rồi đánh hồi thứ hai, tiếng trống liên tục, hơi nhanh và không cho gián đoạn, kế đến đánh hồi thứ ba, âm thanh cuộn vào nhau; thế rồi, chờ cho Trụ trì lên pháp tòa ổn định mới kết thúc bằng cách chập hai dùi lại đánh ba tiếng cuối cùng. Còn như lúc tiểu tham thì đánh một hồi, lúc phổ thuyết thì đánh năm tiếng, khi nhập thất thì đánh ba tiếng, và đều đánh một cách chậm rãi. Trống đánh khi uống trà [1156a27] Trống này do thị giả đánh, và đánh một hồi dài. Trống đánh lúc thọ trai [1156a28] Trống này đánh ba hồi khi đến trai đường, vào dịp lễ đầu tháng, và đánh hơi nhanh một chút. Trống đánh lúc tập hợp đại chúng lao động [1156a29] Đánh một hồi dài. Trống đánh vào các canh giờ [1156a29] Các tự viện thường vào buổi sáng sớm và buổi tối đánh ba hồi trống này một cách khoan thai. Ngoài ra, tùy nghi có thể đánh vào các canh giờ, và do Đô tự đảm trách.

Trống đánh báo hiệu giờ đi tắm [1156b01] Trống này được đánh bốn hồi báo hiệu giờ đi tắm của chúng tăng (xem đầy đủ chương Tri dục) và do vị Tri dục đánh. [1156b02] Các loại pháp khí kể trên phải sử dụng đúng quy định, thông thường không được dùng sai cách thức. Khi vị tân Trụ trì đến nhậm chức tại tự viện thì các pháp khí đều đồng loạt đánh lên. [1156b04] Kinh Kim quang minh nói: "Bồ-tát Tín Tướng đêm nằm mộng thấy chiếc trống bằng vàng có hình dáng to lớn đẹp đẽ, ánh sáng tỏa chiếu giống như ánh sáng mặt trời. Trong ánh sáng ấy, Bồ-tát thấy mười phương chư Phật đang ngồi trên các tòa lưu ly trong rừng cây báu thuyết pháp cho hàng trăm nghìn quyến thuộc đang ngồi xung quanh. Có một người giống như Bà-la-môn cầm chiếc dùi đánh trống, khiến trống phát ra tiếng kêu vang rền, tiếng ấy tuyên thuyết một bài kệ sám hối. Sau khi tỉnh mộng, Bồ-tát Tín Tướng đi đến chỗ đức Phật, thuật lại cho đức Như Lai những gì mình đã nghe, thấy trong giấc mộng như chiếc trống bằng vàng và bài kệ sám hối". Kinh Lăng nghiêm cũng kể rằng: "Phật bảo tôn giả A- nan: Như ông đã nghe trong vườn Kỳ-đà này khi cơm đã dọn xong, trống được đánh lên, tăng chúng vân tập, tiếp theo là chuông đánh, khiến tiếng chuông trống trước sau liên tục . Ông nghĩ thế nào? Đó là âm thanh nhập vào hai tai, hay hai tai tiếp thu âm thanh?" [1156b14] Chương Pháp khí hết.

PHUÏ LUÏC Phần phụ lục sách Sắc tu Bách Trượng thanh qui có 7 bài minh tựa như sau: 1. Baøi minh khaéc treân thaùp coá Thieàn sö Hoaøi Haûi, nuùi Baùch Tröôïng, Hoàng

Chaâu, ñôøi Ñöôøng (Traàn Huû soaïn) 2. Baøi kyù gaùc thieân haï sö bieåu, chuøa Ñaïi Trí Thoï Thaùnh, nuùi Baùch Tröôïng 3. Baøi nguyeân töïa saùch Baùch Tröôïng thanh qui (Döông ÖÙc soaïn) 4. Baøi töïa Thanh qui ñôøi Suøng Ninh 5. Baøi töïa Thanh qui ñôøi Haøm Thuần; 6. Baøi töïa Thanh qui ñôøi Chí Ñaïi; 7. Baøi tựa của Sắc tu Bách Trượng thanh qui Vì thấy nội dung có phần giống nhau, nên chúng tôi chỉ dòch boán bài tiêu biểu, đó là các bài 1, 2, 3 và 7.

* * *

()

[1156b22]

[4]

[5]

()

()

()[1]
()
[1157a20]
[2]

ÑÖÔØNG HOÀNG CHAÂU BAÙCH TRÖÔÏNG SÔN COÁ HOAØI HAÛI THIEÀN SÖ THAÙP MINH (TÒNH TÖÏ) TÖÔÙNG SYÕ LANG THUÛ ÑIEÄN TRUNG THÒ NGÖÏ SÖÛ TRAÀN HUÛ SOAÏN THUÛ TÍN CHAÂU TY HOÄ THAM QUAÂN VIEÂN NGOAÏI TRÍ ÑOÀNG CHAÙNH VIEÂN VUÕ DÖÏC HOAØNG THÖ [1156b22] Tinh triền đẩu thứ, sơn hình Thứu lập. Tang môn thượng thủ viết Hoài Hải thiền sư, thất ư tư, tháp ư tư, phó đại pháp ư tư. Kỳ môn đệ tử cụ lăng cốc thiên mậu, nhật thời thất kỷ, thác ư nho giả minh dĩ biểu chi. Tây phương giáo hành vu Trung Quốc, dĩ bỉ chi lục độ thị ngã chi ngũ thường, át ác thiên thiện thù đồ đồng triệt. Duy thiền-na nhất tôn độ việt sanh tử, đại trí tuệ giả phương đắc chi. Tự Kê Túc đạt vu Tào Khê, kỉ điệp tường hĩ. Tào Khê truyền Hành Nhạc Quán Âm đài Hoài Nhượng Hoà thượng, Quán Âm truyền Giang Tây Đạo

Nhất Hoà thượng. Chiếu thuỵ vi Đại Tịch thiền sư. Đại Tịch truyền Đại sư, trung thổ tương thừa phàm cửu đại hĩ. Đại sư Thái Nguyên Vương thị, Phước Châu Trường Lạc huyện nhân. Viễn tổ dĩ Vĩnh Gia táng loạn tỷ vu Mân Ngung. Đại sư dĩ đại sự nhân duyên sinh ư tượng quý. Thác dựng nhi huân thiên tự khứ; tương đản nhi thần dị duật lai; thành đồng nhi linh thánh biểu thức, phi phù túc thực đức bổn, hạt dĩ trăn thử. Lạc phát ư Tây sơn Tuệ Chiếu Hoà thượng; tiến cụ ư Hành sơn Pháp Triêu luật sư. Ký nhi thán viết: tương địch vọng nguyên tất du pháp hải, khởi duy tất chứng, diệc giả ngôn thuyên. Toại nghệ Lư Giang duyệt phù

tra kinh tạng, bất khuy đình vũ giả tích niên. Kí sư Đại Tịch, tận đắc tâm ấn, ngôn giản lí tinh, mạo hoà thần tuấn, đổ tức sinh kính, cư thường tự ti, thiện bất cận danh. Cố tiên sư bi văn độc hối kỳ xưng hiệu. Hành đồng ư chúng, cố môn nhân lực dịch tất đẳng kỳ gian lao; oán thân lưỡng vong, cố khí di cựu lí; hiền ngu nhất quán cố phổ thụ lai học. Thường dĩ tam thân vô trụ, vạn hạnh giai không, tà chánh tịnh quyên nguyên lưu tề mẫn. Dụng thử giáo chỉ tác nhân biểu thức. Tiền Phật sở thuyết tư vị đốn môn. Đại Tịch chi đồ đa chư long tượng. Hoặc danh văn vạn thừa nhập y kinh liễn, hoặc hoá hiệp nhất phương, các an quận quốc. Duy đại sư hiếu thượng u ẩn, thê chỉ vân tùng. Di danh nhi đức xưng ích cao, độc vãng nhi học đồ di thịnh. Kỳ hữu biến tham giảng tứ lịch để thiền quan, trệ trước vị khư, không hữu do ngại, mỹ bất giam tàng. Vạn lí thủ quyết nhất ngôn, nghi võng vân trương trí nhận vĩnh đoạn. Do thị Tề Lỗ Yên Đại Kinh Ngô Mân Thục vọng ảnh tinh bôn, linh thanh tiêu chí, đương kỳ cơ khát khoái đắc an ẩn. Siêu nhiên huyền giải thời hữu kỳ nhân. Đại sư sơ cư Thạch Môn y Đại Tịch chi tháp, thứ bổ sư vị, trùng tuyên thượng pháp. Hậu dĩ chúng sở qui tập ý tại hà thâm. Bách Trượng sơn kiệt lập nhất ngung, nhân yên tứ tuyệt. Tương dục bốc trúc tất sĩ đàn na. Y bồ tắc du sướng Cam Trinh thỉnh thí gia sơn, nguyện vi hướng đạo, am lư hoàn nhiễu, cung thí nhậm tích, chúng hựu du ư thạch môn. Nhiên dĩ địa linh cảnh viễn phả hữu chung yên chi chí. Nguyên Hoà cửu niên chánh nguyệt thập thất nhật chứng diệt ư thiền

sàng, báo linh lục thập lục, tăng lạp tứ thập thất. Dĩ kỳ niên tứ nguyệt nhị thập nhị nhật, phụng toàn thân biếm vu Tây phong, cứ bà-sa luận văn, dụng tịnh hạnh Bà-la-môn táng pháp tuân di chỉ dã. Tiên thời bạch quang khứ thất, kim tích minh không, linh khê phương xuân nhi hạt lưu, sam liệu cánh tịch dĩ thông chiếu, diệu đức tiềm cảm vu hà bất hữu. Môn nhân Pháp Chánh đẳng thường sở bẩm phụng giai đắc điều nhu, đệ tương phát huy bất truỵ phó chúc, tha niên thiệu tục tự đương lưu bố. Môn nhân Đàm Tự vĩnh hoài sư ân quang sùng tháp vũ, phong thổ luỵ thạch lực kiệt tâm tuỵ . Môn nhân Thần Hạnh Phạm Vân kết tập vi ngôn toản thành ngữ bổn. Phàm kim học giả bất tiễn môn quắc, phụng dĩ vi sư pháp yên. Sơ Mân Việt Linh Ái luật sư, nhất xuyên giáo tông, tam học qui ngưỡng, thường dĩ Phật tính hữu vô hưởng phong phát vấn. Đại sư ngụ thư dĩ thích chi, kim dữ ngữ bổn tịnh lưu vu hậu học. Hủ tùng sự vu Giang Tây phủ, bị thường đại sư chi pháp vị, cố bất nhượng chúng đa chi thác, kỳ văn viết: Phạm hùng thiết giáo Hữu quyền hữu thật, Vị đắc đốn môn Giai vị ám thất. Tổ sư lệ chỉ Phương truyền bí mật. Như bỉ trùng hôn Hốt huyền bạch nhật (kỳ nhất)

Duy thử đại sĩ
Hoằng thiệu chánh tông.
Tuy tu diệu hạnh
Bất trụ chân không.
Vô giả phương tiện.
Khởi sĩ ma lung.
Điểm nhiên phản bổn
Vạn cảnh viên thông (kỳ nhị)
Bách thiên nhân chúng
Tận khư bệnh nhiệt.
Bỉ giai hữu đắc
Ngã thật vô thuyết.
Tâm bổn bất sanh
Hình đồng thị diệt.
Thử thổ hôi tẫn
Tha phương thuỷ nguyệt (kỳ tam)
Pháp truyền nhân đại
Tháp bế sơn nguyên.
Sam tùng nhật ám
Tự tháp do tồn.
Ái ái học đồ
Vô phi cập môn.
Duy năng giác chiếu
Thị báo sư ân (kỳ tứ)
Nguyên hoà thập tam niên thập nguyệt tam nhật kiến.
Bi trắc đại chúng đồng kí ngũ sự, chí kim do tồn, khả vị giám giới, tinh lục vu tả. Đại sư thiên hoá hậu, vị thỉnh viện chủ nhật, chúng nghị li cách sơn môn, cửu viễn sự nghi đô ngũ kiện: Nhất tháp viện thường thỉnh nhất đại tăng, cập linh nhất sa di sái tảo. Nhất địa giới nội bất đắc trí Ni đài Ni phần tháp, cập dung tục nhân gia cư chỉ. Nhất ưng hữu y chỉ cập đồng hành xuất gia, tất linh y viện chủ nhất nhân, Tăng chúng tịnh bất đắc các thụ. Nhất đài ngoại cập chư xứ bất đắc trí trang viên điền địa. Nhất trú sơn đồ chúng bất đắc nội ngoại tư trí tiền cốc. Dục thanh kỳ lưu tại trừng kỳ bổn, hậu lai thiệu tục vĩnh nguyện tuân sùng. Lập bi nhật đại chúng đồng ký. BAØI MINH KHAÉC TREÂN THAÙP COÁ THIEÀN SÖ HOAØI HAÛI, NUÙI BAÙCH TRÖÔÏNG, HOÀNG CHAÂU, ÑÔØI ÑÖÔØNG TÖÔÙNG SÓ LANG THUÛ ÑIEÄN TRUNG THÒ NGÖÏ SÖÛ TRAÀN HUÛ SOAÏN THUÛ TÍN CHAÂU TY HOÄ THAM QUAÂN VIEÂN NGOAÏI TRÍ ÑOÀNG CHAÙNH VIEÂN VOÕ DÖÏC HOAØNG VIEÁT CHÖÕ [1156b22] Tinh đẩu vần xoay, núi non hiểm trở như ngọn Linh Thứu. Bậc Thượng thủ trong hàng sa-môn là Thiền sư Hoài Hải, lập am thất nơi đây, xây bảo tháp nơi đây và trao truyền đại pháp cũng tại đây. Các đệ tử của tông môn e bảo tháp bị di dịch, thời gian lâu không được ghi

chép nên nhờ nhà Nho soạn bài minh để nêu rõ sự tích. Giáo pháp của phương Tây (Ấn Độ) truyền sang Trung Quốc, thì Lục độ của Phật giáo được xem như Ngũ thường của Trung Hoa ta, cải ác theo thiện, khác đường mà cùng về một nẻo. Chỉ duy nhất Thiền tông là độ khỏi sinh tử, và

chỉ có bậc đại trí tuệ mới đạt được. Từ Kê Túc (chỉ Tổ Ca-diếp) cho đến Tào Khê (tổ Huệ Năng) thì sự truyền thừa đều được ghi chép tường tận.Tào Khê truyền cho Hòa thượng Hoài Nhượng ở Quan Âm đài Hành Nhạc. Hoài Nhượng truyền cho Hòa thượng Đạo Nhất ở Giang Tây. Đạo Nhất sau khi viên tịch được ban thụy hiệu là Thiền sư Đại Tịch. Đại Tịch truyền cho Đại sư (Hoài Hải). Thế rồi thầy trò trao truyền cho nhau trải qua chín đời tại cõi Đông độ (Trung Hoa). Đại sư họ Vương, người huyện Trường Lạc, Phúc Châu, Thái Nguyên. Vào khoảng năm Vĩnh Gia bị giặc giã loạn lạc, viễn tổ của Sư di cư sang đất Mân Ngung. Vì nhân duyên lớn lao, Đại sư sinh ra đời vào thời kỳ cuối của tượng pháp. Khi Sư vào bào thai thì mùi hôi tanh tan biến; lúc sắp chào đời thì sự thần dị hiển hiện; tuổi còn ấu thơ mà điều linh Thánh đã bộc lộ. Nếu chẳng do vun bồi cội gốc phước đức từ đời trước thì làm sao có được những điềm hiệu linh ứng như vậy. Sư xuống tóc xuất gia với Hòa thượng Tuệ Chiếu ở Tây Sơn, thọ giới cụ túc với Luật sư Pháp Triêu ở Hành Sơn.(Nghĩ đến đạo nghiệp tương lai) Sư than rằng: “Muốn rửa sạch nguồn mê vọng phải bơi qua biển pháp; quyết định ngày chứng ngộ cần nương nhờ những lời chỉ dạy. Thế rồi, Sư đi đến Lô Giang, đóng cửa đọc Đại tạng Kinh suốt mấy năm không ra khỏi phòng. Sư thờ thiền sư Đại Tịch (Đạo Nhất) làm thầy, đạt được tâm ấn rốt ráo, khiến lời nói giản dị mà nghĩa lý sâu xa, diện mạo hòa nhã mà thần thái sáng suốt, hễ ai thấy Sư đều đem lòng cung kính. Sư thường cư xử khiêm

tốn, khéo léo khước từ danh tiếng. Vì thế mà văn bia của Tiên sư giấu bớt lời ca tụng. Sư lao động giống như đại chúng, cho nên môn nhân ai nấy dốc sức làm việc hết lòng. Kẻ oán người thân đều quên, nên không để ý đến chuyện cũ. Kẻ hiền người ngu đều đối xử như nhau, nên tiếp độ được nhiều người đến tham học. Sư thường dạy rằng ba thân không đình trụ, vạn hạnh đều trống không; tà chánh đều vứt bỏ, nguồn dòng thảy cạn khô. Dùng giáo chỉ này làm khuôn thước cho người. Những điều Phật dạy xưa kia chính là pháp môn đốn ngộ hiện nay. Đồ chúng của Thiền sư Đại Tịch phần nhiều là các bậc long tượng. Có người đạt đến danh vọng vạn thừa, ra vào cung cấm; có kẻ giáo hóa một phương, làm cho quốc gia ổn định. Chỉ có Đại sư là ưa thích cuộc sống ẩn dật, ở chốn mây ngàn, ẩn danh mà đức độ được mọi người xưng tụng, sống một mình mà đồ chúng càng thêm hưng thịnh. Nếu có người đi khắp nơi tham cứu các trường giảng, gõ cửa các Thiền sư, mà sự chấp trước chưa tiêu, việc có-không còn vướng mắc, thì các bệnh ấy cũng được phong tỏa. Hoặc có kẻ đi xa nghìn dặm để tìm một lời quyết định, khi lưới nghi trương ra liền bị nhát dao trí tuệ chặt đứt vĩnh viễn. Vì vậy mà các nơi như Tề Lỗ Yên Đại Kinh Ngô Mân Thục nghe thanh danh và ảnh hưởng của Sư đều bôn ba tìm đến. Và khi được Sư tiếp độ thì họ chẳng khác gì kẻ đang đói khát mà được an ổn lập tức. Qủa thật có một bậc huyền giải siêu việt vào thời đại ấy. Lúc đầu, Sư ở bên tháp của Đại Tịch tại Thạch Môn, sau đó trùng tuyên giáo pháp làm rạng rỡ cho thầy. Về

sau, tăng chúng quy tụ đông đúc, Sư nghĩ đến đạo nghiệp lâu dài, muốn kiến tạo một ngôi tùng lâm tại núi Bách Trượng, nhưng nơi đây bốn bề vắng bật bóng người; nếu muốn xây dựng tự viện thì phải đợi đàn na phát tâm; và thời cơ lại đến, bấy giờ có Ưu-bà-tắc Cam Trinh đang du ngoạn, phát tâm đem đồi đất của nhà mình cúng dường cho Sư, mong được Sư thân cận dắt dẫn. Thế rồi, am thất được xây dựng san sát, các thức ẩm thực được Thí chủ mang đến cúng dường, đồ chúng còn đông đúc hơn cả Thạch Môn. Vì thấy nơi này địa linh, cảnh trí cách xa phồn hoa, nên ý muốn gửi nắm xương tàn nơi đây. Vào ngày mười bảy tháng giêng, năm Nguyên Hòa thứ chín, Sư an tọa trên giường Thiền viên tịch, hưởng thọ 66 tuổi, và 47 tăng lạp. Đến ngày 22 tháng Tư cùng năm, đồ chúng rước nhục thân của Sư lên an trí trên ngọn Tây phong. Đó là theo di chúc của Sư phải an táng như một Bà-la-môn tịnh hạnh mà luận Tỳ-bà-sa đã mô tả. Sau khi nhục thân Sư đã nhập tháp, người ta thấy bạch quang xông lên từ tịnh thất của Sư, và tiếng tích trượng khua vang trên không, nước khe đang mùa xuân mà khô cạn, còn gỗ thông thì cháy sáng suốt đêm, diệu đức âm thầm cảm ứng không nơi nào là chẳng có. Môn nhân Pháp Chánh cùng các huynh đệ thường phụng thờ Sư rất là chu đáo, và tuần tự nhau phát triển tông môn không dám quên lời di chúc, trải qua năm tháng tiếp tục lưu truyền không dứt. Môn nhân Đàm Tự nhớ mãi ơn thầy, ra sức dựng xây điện đường bảo tháp, lấp thêm đất chất thêm đá hết lòng dốc sức không kể ốm đau. Môn nhân Thần

Hạnh, Phạm Vân kết tập những lời Sư dạy biên soạn thành ngữ lục. Ngày nay, các học giả không bị vấp váp khi hành xử là nhờ tuân thủ những phép tắc của Sư. Xưa kia Luật sư Linh Ái người đất Mân Việt vốn là bậc lãnh tụ tôn giáo một miền, các học giả tam giáo đều quy ngưỡng thường đem câu hỏi “Phật tính có hay không” đến chất vấn Sư, Đại sư đã viết thư phúc đáp giải thích rõ ràng mà ngày nay còn lưu truyền trong ngữ lục cho kẻ hậu học. Trần Hủ tôi khi nhậm chức tại phủ Giang Tây hân hạnh được thưởng thức pháp vị của Sư nên không dám phụ lòng ủy thác của mọi người. xin soạn mấy lời văn như đây: Bài I: Thế Tôn lập giáo, Có quyền và thật. Nếu chưa đốn ngộ, Thì còn sai trật. Tổ sư xót thương, Mới truyền bí mật. Như đêm u ám, Bỗng hiện vừng Nhật. Bài II: Đây là Đại sĩ, Hoằng truyền chánh tông. Tuy tu diệu hạnh, Chẳng chấp chân không. Không nhờ phương tiện, Mài giữa hoài công. Điềm nhiên về gốc, Vạn cảnh dung thông.

Bài III: Hàng trăm ngàn người,
Đều trừ bệnh nhiệt.
Họ đều có đắc,
Ta chẳng tuyên thuyết.
Tâm vốn không sinh,
Hình cũng thị diệt
Tro tàn cõi này,
Phương kia nguyệt hiện.
Bài IV: Pháp truyền người thế,
Tháp ẩn núi non

Tùng bách âm u,
Chùa Tháp vẫn còn
Đồ chúng đông đúc,
Rạng rỡ tông môn.
Chỉ người giác ngộ,
Đích thực báo ân.
Ngày mồng ba tháng 10 năm Nguyên Hoà thứ 13 lập bia này.
Bên cạnh bi văn, đại chúng cùng ghi lại năm sự việc đến nay vẫn còn, có thể làm khuôn mẫu để răn bảo người sau. Nguyên sau khi trà tỳ Đại sư, chưa mời viện chủ mới, Tăng chúng họp bàn bạc việc cách tân sơn môn, cuối cùng nhất trí đúc kết thành năm điều như sau:
1. Phải mời một vị Đại tăng quản lý tháp viện và sai một Sa-di lo quét dọn.
2. Trong khuôn viên Chùa Tháp không cho xây dựng
Ni tự và Tháp mộ của Ni chúng, cũng không cho người thế tục cất nhà cư trú.
3. Các kẻ đồng chơn xuất gia và người y chỉ, phải nương tựa một vị Viện chủ duy nhất. Tăng chúng không được xây dựng am thất riêng tư. 4. Không được khai khẩn vườn tược ruộng đất làm của tư hữu. 5. Đồ chúng ở núi này không được cất chứa tiền bạc, thóc lúa riêng tư trong chùa cũng như cất ở chỗ khác. Muốn cho dòng nước trong trẻo thì phải làm cho đầu nguồn thanh khiết, để người đời sau tiếp tục kế thừa, vĩnh viễn tuân hành và một dạ tôn sùng. Ngày lập văn bia, tất cả đại chúng đồng ký tên.

* * *

[1157b01]
[1157b03]

[4]

[1157c09]

BAÙCH TRÖÔÏNG SÔN ÑAÏI TRÍ THOÏ THAÙNH THIEÀN TÖÏ THIEÂN HAÏ SÖ BIEÅU CAÙC KYÙ

[1157b01] Bồ-đề-đạt-ma đại sư hậu bát diệp hữu đại tỷ kheo, cư Hồng Châu Bách Trượng sơn, nhân xưng chi viết Bách Trượng thiền sư. [1157b03] Kim thiên tử thỉ mệnh nhân kỳ cựu thuỵ Đại Trí Giác Chiếu giả, gia dĩ Hoằng Tôn Diệu Hạnh chi hiệu, tự dĩ Thọ Thánh danh tắc cố ngạch dã. Sơn khứ quận trị tam bách lý, kỳ vị trí tự thời, lâm hác thâm trở, nham kính tiễu tuyệt, tiều tô chi tích sở bất thông. Hữu Tư mã đầu đà giả, thiện vi cung trạch địa hình chi thuật, đỗ kỳ sơn thế đẩu bạt dữ phù cương loan thủ vĩ chi khởi phục, tri vi cát nhưỡng, sở lưu kiềm kí hữu viết: “Pháp Vương cư chi, thiên hạ sư biểu”. Thiền sư chi lai thức phù kỳ ngôn. Đông Dương Đức Huy dĩ thiền sư thập bát đại tôn, tự trú thị sơn, ký tân tác diễn pháp chi đường, thả tăng sáng trùng ốc kỳ thượng, dĩ thoả thiền sư di tượng, bảng kỳ doanh gian viết “thiên hạ sư biểu chi các vân: sơ Văn Tôn hoàng đế nhập tiễn thiên vị, tức Kim Lăng tiềm để tạo tự viết Long Tường Tập Khánh. Chiếu khai sơn Đại Hân, lãnh kỳ đồ nhi dĩ thiền sư sở chế thanh qui, vi nhật dụng động tác uy nghi chi tiết. Cố kỳ thư hành thế dĩ cửu, hậu nhân suất dĩ ức kiến hỗ

hữu tổn ích, tự vi mâu thuẫn mỹ sở chiết trung. Huy dữ Hân học đồng sư nhi bính pháp ư tổ đình, đại cụ phù lai giả truyền nghi mạc tri thích tùng, vô dĩ nhất chư phương chi quan thính. Viên tẩu kinh sư dục hữu thỉnh nhi li chánh chi. Kim Ngự sử đại phu Tán Địch thời chấp pháp trung đài, vi ngôn vu thượng, đắc triệu kiến. Hữu chỉ lệnh Huy soạn thứ cựu văn, dĩ thụ Hân sử trạch tập ư sư thuyết giả, cộng khảo định nhi tụng hành vi tùng lâm pháp. Nhưng Như Tích thiền sư dĩ kim hiệu bao hiển nhi phong lệ yên. Huy phụng tỉ thư tương nam hoàn, dĩ các chi thành vị cập kiến sở kỉ thuật, thẩm vu Tấn viết: “Nguyện tự kỳ cấu hưng chi đoan nguyên quy nhi khắc chư”. Tấn thiết quan, toại cổ thánh hiền thừa thời kế tác thỉ trương điệt dụng tuần hoàn bất cùng, sở dĩ thông kỳ biến dã. Phật chi vị giáo tất tiên giới luật, chư bộ chi nghĩa tiểu đại tất trần, chủng chủng khai già duy dĩ nhất sự, khứ Thánh du viễn cục vi chuyên môn, danh số tư đa đạo nhật tư ẩn. Thị cố Đạt-ma bất giai phương tiện trực thị tâm nguyên, luật tướng uyển nhiên vô năng lưu ngại, thế giáng tục mạt đản thắng chân li, trì sính ngoại duyên thành tà mạn tưởng. Thị cố Bách Trượng hoằng phu quỹ phạm phụ luật nhi hành, điều hộ nhiếp trì tại sự giai lí. Cái Phật chi đạo dĩ Đạt-ma nhi minh. Phật chi sự dĩ Bách Trượng nhi bị, thông biến chi diệu tồn hồ kỳ nhân. Quyết hậu Đạt-ma chi truyền phái biệt vi ngũ, nhi xuất ư thiền sư giả nhị. Tha sư sở xướng thù tôn dị chỉ. Tuy các danh kỳ gia, chí ư an xử đồ chúng, vị hữu bất thủ pháp ư thiền sư giả. Nhiên tắc thiên hạ sư biểu chi ngôn, lương khả trưng

bất vu dã. Việt tự trung thổ quân thần tri tôn Phật pháp, quang chiêu sùng cực, mạc việt ư kim. Huy tao trị thánh thời, mông bị đế lực, dụng khắc phát dương tiên huấn, thiệu long tôn phong, tỷ dữ quốc gia tương vị du cửu vĩnh vĩnh vô dĩ, bất đặc kim chi thiên hạ dĩ vi sư biểu, tận vị lai tế hàm hữu y thừa. Tấn thị dụng cẩn chí chi, nhi ư kỳ kinh độ chi cần doanh đế chi mỹ, hữu bất hạ luận dã. Các vi ốc dĩ gian kế giả ngũ, kỳ sùng bách hữu nhị thập xích, tam kỳ sùng chi nhất dĩ vi kỳ tu. Tam kỳ tu dĩ vi kỳ quảng. Dĩ Chí Thuận nguyên niên hạ lục nguyệt phỉ công, đông thập nguyệt ngật sự. Thật Huy trụ sơn chi minh niên, nhi Huy nhập đối dĩ Nguyên Thống tam niên hạ ngũ nguyệt. Mệnh hạ tắc kỳ minh niên xuân nhị nguyệt dã. Thừa Trực lang quốc tử bác sĩ Hoàng Tấn kí. Hàn lâm thị chế phụng nghị đại phu kiêm quốc sử viện biên tu quan Yết Hề Tư thư. Hàn lâm thị giảng học sĩ thông phụng đại phu tri chế cáo đồng tu quốc sử tri kinh diên sự Trương Khởi Nham triện. Tiền Vinh Lộc đại phu ngự sử trung thừa Triệu Thế An quang lộc đại phu giang nam chư đạo hành ngự sử đại phu Dịch Thích Đổng A đồng lập thạch.

BAØI KYÙ GAÙC THIEÂN HAÏ SÖ BIEÅU, CHUØA THIEÀN ÑAÏI TRÍ THOÏ THAÙNH, NUÙI BAÙCH TRÖÔÏNG [1157b01] Thế hệ thứ tám của đại sư Bồ-đề-đạt-ma có vị đại Tỳ kheo ở núi Bách Trượng, người đời gọi là Thiền sư Bách Trượng. [1157b03] Thiên tử truyền lệnh rằng nhân vì Thiền sư trước đây đã được ban Thụy hiệu là Đại Trí Giác Chiếu, nay ban thêm hiệu Hoằng Tông Diệu Hạnh, còn tên chùa là Thọ Thánh thì biển ngạch đã có từ trước. Núi này cách quận trị 300 dặm, khi chưa xây chùa thì suối khe hiểm trở, đỉnh núi chót vót, lối đi của tiền phu tắt nghẽn. Bấy giờ có Tư Mã đầu đà là người giỏi thuật phong thủy về địa hình cung thất, thấy thế núi cao vút với những ngọn đồi lồi lõm đầu đuôi tiếp ứng nhau, biết đó là nơi địa linh, nên để lại lời huyền ký rằng:

“Đây là chỗ đấng Pháp vương cư trú, làm bậc thầy tiêu biểu trong thiên hạ”. Về sau, Thiền sư Hoài Hải đến trác tích nơi đó quả phù hợp với lời dự đoán trước kia. Thiền sư Đông Dương Đức Huy là cháu đời thứ 18 của Hoài Hải, kế thừa sự nghiệp Thầy tổ, ở núi này, không những xây cất pháp đường mới, mà còn kiến tạo thêm lầu cao để tôn trí di tượng của Tổ sư. Và tấm hoành treo trên nhà đề là: “Gác của bậc Thầy tiêu biểu trong thiên hạ (thiên hạ sư biểu chi các)”. Trong đây có ghi lại: Lúc Văn Tông hoàng đế mới lên ngôi, âm thầm xây chùa tại Kim Lăng đặt tên là Long Tường Tập Khánh, truyền lệnh cho vị khai sơn chùa là Đại Hân quản lý

đồ chúng, và dùng Thanh quy do Tổ sư chế định làm quy củ cho những oai nghi hành xử hằng ngày của tăng chúng. Nhưng vì bộ Thanh quy này ra đời đã lâu (hiện tại không còn), người đời sau chỉ ức đoán rồi tự ý thêm bớt, khiến cho đôi chỗ mâu thuẫn không được chiết trung thỏa đáng. Đức Huy và Đại Hân cùng học một thầy và cùng nắm cương lĩnh của tổ đình e rằng những kẻ mới đến đem truyền những điều nghi hoặc mà không biết thế nào là thích hợp khiến cho mâu thuẫn với sự nghe thấy của các sơn môn, nên quyết tâm lặn lội đến Kinh sư để tìm người hiệu chính những sai lầm. Lúc ấy quan Ngự sử đại phu Tát Địch đang làm chấp pháp trung đài, Huy bèn nhờ ông tâu lên vua, và được vua mời vào yết kiến. Vua bèn truyền lệnh cho Huy soạn những gì đã được nghe trước đây, rồi trao cho Đại Hân, khiến Đại Hân chọn lựa những điều Tổ sư để lại, hiệu khảo ổn định, soạn thành Thanh quy dùng làm phép tắc cho Tùng lâm. Vua còn phong tặng sư hiệu Như Tích thiền sư, hết lời khen ngợi và khích lệ rất vẽ vang. Đức Huy phụng sắc lệnh được đóng ấn của vua, trở về lại chùa, thì căn gác đã xây cất hoàn thành nhưng chưa kịp ghi chép sự tích. Ông bèn đi đến Hoàng Tấn, thỉnh cầu Tấn soạn bài tựa: “Xin Ngài vui lòng viết giúp bài tựa ghi lại nguyên nhân kiến tạo căn gác này đặng tôi đem về khắc làm bài ký”. Tấn trộm nghĩ: Thánh hiền đời xưa tùy thời hành xử, vừa nắm vừa buông, vận dụng uyển chuyển, tuần hoàn không cùng, nhờ vậy mà mọi việc đều chuyển

biến thông suốt. Đức Phật thiết lập giáo pháp, trước hết chế ra giới luật. Nghĩa lý của các bộ phái, Đại Tiểu thừa đều trình bày đầy đủ; các việc khai già (cho phép hay cấm chỉ) cũng chỉ nhằm một mục đích. Nhưng hễ càng cách xa Thánh nhân (đức Phật) thì càng giới hạn vào những chuyên môn, tên gọi đặt ra càng nhiều thì đạo lý ngày càng ẩn khuất. Vì thế, Tổ Đạt-ma không dùng đến phương tiện mà chỉ thẳng nguồn tâm; tướng trạng của giới luật rất uyển chuyển, không có gì chướng ngại; nhưng càng gần thế tục, ngọn ngành, cái hoang đường chiếm ưu thế thì điều chân chính bị chia lìa, chạy theo cái phù phiếm bên ngoài thì tạo thành tư tưởng tà mạn. Vì thế, Tổ Bách Trượng hoằng dương quỹ phạm, dựa vào giới luật mà hành động, điều hợp hộ trì, vin vào sự tướng mà là vận dụng lý tính. Bởi vì, đạo lý của Phật nhờ Tổ Đạt-ma mà sáng tỏ; sự tướng của Phật do Bách Trượng mà hoàn bị. Cái diệu dụng của sự biến hóa thông suốt là do con người mà ra. Về sau, sự truyền thừa của Tổ Đạt-ma được chia thành năm phái, mà phát xuất từ Tổ Bách Trượng thì có hai phái. Các Thiền sư khác tuy mỗi nhà đều thiết lập ra yếu chỉ này, tông phái nọ, nhưng để quản lý đồ chúng ổn định thì chưa thấy ai không theo phép tắc của Bách Trượng. Thế thì gọi Sư (Bách Trượng) là “Thiên hạ sư biểu” quả thật xứng đáng, chẳng ngoa chút nào. Tại cõi Trung độ (Trung Quốc) này vua tôi đều

tôn kính sùng mộ Phật pháp làm cho Phật giáo tỏa sáng không lúc nào bằng lúc này. Huy gặp thời có Thánh chúa, nương nhờ sự hộ pháp của hoàng đế

mà xiển dương những lời giáo huấn của tiền bối, thiệu long tông phong, khiến cho sơn môn cùng với quốc gia bền vững lâu dài, mãi mãi trường tồn; không những ngày nay Thiên hạ tôn xưng là Sư biểu mà cùng tận đời vị lai ai nấy cũng đều phải nương tựa. Tấn tôi kính cẩn ghi lại vài điều trên đây, còn việc siêng năng theo thời khóa kinh kệ và xây dựng cơ ngơi tráng lệ thì khỏi cần bàn đến. Căn gác là một ngôi nhà chia làm năm gian, cao 120 thước, cứ một lần tu bổ thì tăng thêm một phần ba chiều cao, và ba lần tu bổ thì hoàn chỉnh rộng rãi như hiện nay. Việc xây dựng cho đến tháng sáu mùa hạ năm đầu niên hiệu Chí Thuận (1330) thì ổn định, nhưng đến tháng mười mùa đông thì công việc mới hoàn tất. Đức Huy yết kiến Thánh Thượng tháng năm mùa hạ, năm thứ ba niên hiệu Nguyên Thống, và vua xuống chiếu cho Sư vào tháng hai mùa xuân năm sau đến trụ núi này. Như vậy, Đức Huy chính thức trác tích tại núi này là năm Chí Nguyên nguyên niên (1335). Thừa Trực lang quốc tử bác sĩ Hoàng Tấn soạn lời ký. Hàn lâm thị chế phụng nghị đai phu kiêm quốc sử viện biên tu quan Yết Hề Tư viết chữ thường. Hàn lâm thị giảng học sĩ thông phụng đại phu tri chế cáo đồng tu quốc sử tri kinh diên sự Trương Khởi Nham viết chữ triện. Tiền Vinh Lộc đại phu ngự sử trung thừa Triệu Thế An, Quang Lộc đại phu Giang Nam chư đạo hành ngự sử đại phu Dịch Thích Đổng A cùng dựng bia đá.

[1157c27]

[1]

COÅ THANH QUI TÖÏ HAØN LAÂM HOÏC SÓ TRIEÂU TAÙN ÑAÏI PHU HAØNH TAÛ TY GIAÙN TRI CHEÁ CAÙO ÑOÀNG TU QUOÁC SÖÛ PHAÙN SÖÛ QUAÙN THÖÔÏNG TRUÏ QUOÁC NAM DÖÔNG QUAÄN KHAI QUOÁC HAÀU THÖÏC AÁP NHAÁT THIEÂN BAÙCH HOÄ TÖÙ TÖÛ KIM NGÖ ÑAÏI DÖÔNG ÖÙC THUAÄT [1157c27] Baùch Tröôïng Ñaïi Trí Thieàn sö dó Thieàn toâng trieäu töï Thieáu Thaát chí Taøo Kheâ dó lai ña cö luaät töï. Tuy lieät bieät vieän, nhieân ö thuyeát phaùp truï trì, vò hieäp qui ñoä, coá thöôøng nhó giôùi hoaøi, naõi vieát: “Phaät, Toå chi ñaïo, duïc ñaõn boá hoùa nguyeân, kyù lai teá baát maãn giaû, khôûi ñöông döõ chö boä A-caáp-ma giaùo vi tuøy haønh da. Hoaëc vieát: ‘Du-giaø luaän, Anh Laïc kinh thò Ñaïi thöøa giôùi luaät, hoà baát y tuøy tai?’”. Sö vieát: “Ngoâ sôû toâng phi cuïc Ñaïi-Tieåu thöøa, phi dò Ñaïi – Tieåu thöøa, ñöông baùc öôùc chieát trung, thieát ö cheá phaïm, vuï kyø nghi daõ”. Ö thò saùng yù bieät laäp Thieàn cö. Phaøm cuï ñaïo nhaõn giaû, höõu khaû toân chi ñöùc, hieäu vieát Tröôûng laõo, nhö Taây Vöïc ñaïo cao laïp tröôûng, hoâ A-xaø-leâ ñaúng chi vò daõ. Töùc vi hoùa chuû, töùc xöû ö phöông tröôïng ñoàng Tònh Danh chi thaát, phi tö taåm chi thaát daõ. Baát laäp Phaät ñieän duy thoï phaùp ñöôøng giaû, bieåu Phaät, Toå thaân chuùc thoï ñöông ñaïi vi toân daõ. Sôû tuï hoïc chuùng voâ ña thieåu, voâ cao haï, taän nhaäp taêng ñöôøng, y haï thöù an baøi. Thieát tröôøng lieân saøng, thi di giaù quaûi ñaùp ñaïo cuï. Ngoïa taác taø chaåm saøng thaàn, höõu hieáp caùt töôøng thuøy giaû, dó kyø toïa

Thieàn kyù cöûu, löôïc yeån töùc nhi dó. Cuï töù uy nghi daõ, tröø nhaäp thaát thænh ích, nhieäm hoïc giaû caàn ñaõi, hoaëc thöôïng hoaëc haï, baát caâu thöôøng chuaån. Kyø haïp vieän ñaïi chuùng, trieâu tham tòch tuï. Tröôûng laõo thöôïng ñöôøng, thaêng toøa, chuû söï ñoà chuùng, nhaïn laäp traéc linh. Taân chuû vaán thuø, kích döông toâng yeáu giaû, thò y phaùp nhi truï daõ. Trai chuùc tuøy nghi, nhò thôøi quaân bieán

giaû, vuï ö tieát kieäm bieåu phaùp thöïc song vaän daõ. Haønh phoå thænh phaùp, thöôïng haï quaân löïc daõ. Trí thaäp vuï vi chi lieâu xaù, moãi duïng thuû laõnh nhaát nhaân, quaûn ña nhaân dinh söï, linh caùc tö kyø cuïc daõ. Hoaëc höõu giaû hieäu thieát hình, hoãn vu thanh chuùng, bieät trí huyeân nhieãu chi söï, töùc ñöông duy-na kieåm cöû, tröøu haï boån vò quaûi ñaùp, taãn leänh xuaát vieän giaû, quyù an thanh chuùng daõ. Hoaëc bæ höõu sôû phaïm töùc dó truï tröôïng tröôïng chi, taäp chuùng thieâu y baùt ñaïo cuï, khieån truïc tuøng thieân moân nhi xuaát giaû, thò sæ nhuïc daõ. Töôøng thöû nhaát ñieàu cheá höõu töù ích : Nhaát, baát oâ thanh chuùng, sanh cung tín coá. Nhò, baát uûy taêng hình, tuaàn Phaät cheá coá. Tam, baát nhieãu coâng moân, tænh nguïc tuïng coá. Töù, baát tieát ö ngoaïi, hoä toâng cöông coá. Töù lai ñoàng cö, Thaùnh phaøm thuïc bieän. Thaû Nhö Lai öùng theá, thöôïng höõu luïc quaàn chi ñaûng, huoáng kim töôïng maït, khôûi ñaéc toaøn voâ. Ñaûn kieán nhaát taêng höõu quaù tieän loâi leä keâ tieáu, thuø baát tri khinh chuùng hoaïi phaùp, kyø toån thaäm ñaïi. Kim Thieàn moân

nhöôïc saûo voâ phöông haïi giaû, nghi y Baùch Tröôïng tuøng laâm qui thöùc, löôïng söï khu phaân, thaû laäp phaùp phoøng gian, baát vi hieàn só, nhieân ninh khaû höõu caùch nhi voâ phaïm, baát khaû höõu phaïm nhi voâ giaùo. Duy Ñaïi Trí Thieàn sö, hoä phaùp chi ích, kyø ñaïi hó tai! Thieàn moân ñoäc haønh, töï thöû laõo thæ. Thanh qui ñaïi yeáu, bieán thò haäu hoïc, linh baát vong boån daõ. Kyø chö quyõ ñoä, taäp töôøng bò yeân. ÖÙc haïnh thao dueä chæ, san ñònh Truyeàn ñaêng, thaønh thö ñoà taán, nhaân vi töï daãn. Thôøi Caûnh Ñöùc caûi nguyeân tueá thöù Giaùp thìn löông nguyeät caùt nhaät thö.

BAØI NGUYEÂN TÖÏ SAÙCH BAÙCH TRÖÔÏNG THANH QUI (Do Quan Haøn Laâm Hoïc Só Khai Quoác Haàu Döông Öùc Soaïn Thuaät)

[1157c27] Thieàn sö Baùch Tröôïng Ñaïi Trí cho raèng Thieàn toâng baét ñaàu töø (ngaøi Boà-ñeà-ñaït-ma) ôû nuùi Thieáu Thaát cho ñeán (luïc toå Hueä Naêng) taïi Taøo Kheâ ñoå laïi, phaàn nhieàu ôû ñaäu chuøa luaät. Tuy lieät bieät vieän, nhöng veà thuyeát phaùp truï trì thì chöa hôïp qui ñoä, cho neân thöôøng ñeå yù nôi loøng, beøn noùi raèng: “Ñaïo cuûa Phaät vaø Toå laø muoán ban boá roäng raõi, giaùo hoùa töø goác, mong ñeán ngaøy sau khoâng môø dieät vaäy. Haù neân cuøng vôùi caùc boä A-caáp-ma Giaùo maø tuøy haønh ru? Coù keû noùi luaän Du-giaø vaø kinh Anh Laïc laø giôùi luaät Ñaïi thöøa, vaäy sao laïi khoâng nöông theo chöù!”. Sö noùi: “Toâng moân cuûa ta khoâng thuoäc Ñaïi –

Tieåu thöøa, maø cuõng khoâng khaùc Ñaïi – Tieåu thöøa, vaäy neân co daõn chieát trung, thieát laäp nôi cheá phaïm, nhaèm thích nghi maø thoâi”. Do ñoù maø saùng yù laäp rieâng Thieàn töï. Phaøm ngöôøi goàm ñuû maét ñaïo, coù ñuû ñaïo ñöùc ñaùng toân voïng thì goïi laø Tröôûng laõo, gioáng nhö beân Taây Vöùc ai ñaïo cao, tuoåi laïp lôùn thì goïi laø A-xaø-leâ vaäy. Töùc phaøm laøm hoùa chuû thì ôû nôi choã phöông tröôïng gioáng nhö thaát cuûa Tònh Danh (Duy- ma-caät), chöù khoâng phaûi nôi thaát chæ laø buoàng nguû rieâng. Khoâng laäp caùc Phaät ñieän chæ xaây phaùp ñöôøng, bieåu thò nôi Phaät vaø Toå ñích thaân trao daën, ngöôøi ñôøi nay phaûi toân troïng.

Coøn choã tuï taäp cuûa soá ñoâng ngöôøi hoïc, khoâng keå laø nhieàu ít, cao thaáp, ñeàu vaøo troïn taêng ñöôøng, y theo thöù töï tuoåi laïp haï an cö maø an baøi, thieát laäp giöôøng daøi lieàn nhau, laøm giaù treo ñeå moùc ñaïo cuï. Naèm thì goái nghieâng ñaàu meùp giöôøng, theo theá caùt töôøng nghieâng söôøn beân phaûi maø nguû, coi nhö toïa thieàn quaù laâu, taïm nghæ ngôi phaàn naøo maø thoâi. Coøn veà ñaày ñuû 4 oai nghi, tröø khi vaøo thaát thöa hoûi thaày, coøn thì ñeå maëc cho ngöôøi hoïc caàn maãn hay treã nhaùc, hoaëc phaûi hoaëc traùi, khoâng caâu neä nôi thöôøng chuaån. Coøn ñaïi chuùng caû vieän saùng thaêm hoûi, chieàu tuï taäp, vò Tröôûng laõo vaøo phaùp ñöôøng leân treân toøa cao maø ngoài. Chuû söï vaø ñoà chuùng, ñöùng thaønh haøng nhö nhaïn bay laéng nghe. Chuû – khaùch vaán ñaùp maø kích döông toâng yeáu, bieåu thò nöông theo phaùp maø truï vaäy. Chaùo côm tuøy nghi,

hai thôøi ñeàu cuøng khaép, nhaèm tieát kieäm bieåu thò phaùp thöïc song vaän vaäy. Thi haønh pheùp phoå thænh (töùc lao ñoäng taäp theå) treân döôùi ñeàu phaûi gaéng söùc ngang nhau. Ñaët 10 nhieäm vuï phoøng lieâu, moãi thöù ñeàu duøng moät ngöôøi thuû lónh troâng coi nhieàu ngöôøi laøm vieäc, khieán moãi ngöôøi ñeàu ñieàu khieån, troâng coi thuoäc haï cuûa mình. Hoaëc coù keû giaû hieäu troäm hình loän soøng vaøo thanh chuùng, gaây chuyeän ruøm beng loän xoän thì duy-na kieåm soaùt bieát ñöôïc, töôùc boû vò trí duøng côm, gaïch teân khoûi danh saùch chö taêng ñuoåi ra khoûi vieän nhaèm toân quí vieäc tu taäp an oån thanh tònh cuûa ñaïi chuùng. Hoaëc coù keû phaïm loãi thì taäp hôïp chuùng laïi, coâng coäng bình nghò khieån traùch, töùc duøng heøo maø ñaùnh, hoaëc truïc xuaát buoäc phaûi theo cöûa hoâng maø ra khoûi vieän, bieåu thò sæ nhuïc. Xeùt kyõ ñieàu cheá naøy coù bốn caùi lôïi ích: 1. Khoâng laøm oâ ueá chuùng trong saïch, naûy sanh chuyeän cung kính, tin töôûng. 2. Khoâng huûy hoaïi taêng hình, tuaân theo Phaät cheá ñònh. 3. Khoâng phieàn quan laïi coâng moân, traùnh chuyeän kiện tuïng. 4. Khoâng tieát loä ra ngoaøi, baûo hoä kyû cöông cuûa Toâng phaùi. Ñaïi chuùng cuøng ôû chung, Thaùnh hay phaøm ai maø phaân bieät ñöôïc. Vaû laïi, thôøi ñöùc Nhö Lai öùng theá coøn coù nhoùm 6 tyû-kheo xaáu aùc, huoáng hoà nay laø thôøi

töôïng phaùp maït theá, haù coù theå hoaøn toaøn khoâng coù nhöõng keû xaáu ñöôïc sao? Tuy nhieân neáu moãi laàn thaáy moät oâng taêng coù chuùt loãi laø loâi caû luaät leä saám seùt cheâ maéng thaäm teä maø khoâng bieát ñoù laø khinh chuùng, hoaïi phaùp, toån haïi lôùn laém ñaáy! Nay ñaây choán Thieàn moân maø muoán phaàn naøo khoâng coù chuyeän phöông haïi, thì neân nöông theo qui thöùc cuûa Baùch Tröôïng tuøng laâm maø löôïng söï, xöû phaân. Ñaønh raèng laäp phaùp phoøng gian laø khoâng daønh cho baäc thieän só, tuy nhieân neân höõu caùch voâ phaïm, maø khoâng neân höõu phaïm voâ giaùo. Ích lôïi hoä phaùp cuûa Thieàn sö Ñaïi Trí thaät lôùn lao thay! Ñoäc haønh cuûa Thieàn moân baét ñaàu töø oâng laõo ñoù vaäy. Neùt ñaïi yeáu cuûa Thanh Qui traûi soi khaép keû haäu hoïc, khieán khoâng queân goác vaäy. Caùc pheùp taéc ñöôøng loái, saùch naøy ñeàu taäp hôïp raønh roõ ñaày ñuû caû. Döông ÖÙc toâi laïm ñöôïc ñoïc chæ yù saâu xa, san ñònh Truyeàn ñaêng. Saùch thaønh ñònh daâng leân Thaùnh thöôïng, nhaân ñoù vieát lôøi töï daãn. Ngaøy laønh thaùng toát naêm Giaùp thìn, nieân hieäu Caûnh Ñöùc caûi

nguyeân. * * *

[1159a05]

[3]

[4]

()

SAÉC TU BAÙCH TRÖÔÏNG THANH QUI TÖÏ [1159a05] Thiên lịch Chí Thuận gian Văn Tông hoàng đế kiến Đại Long Tường Tập Khánh tự ư Kim Lăng. Tự thành dĩ thập phương tăng cư chi, hữu chỉ hành Bách Trượng thanh quy. Nguyên Thống tam niên Ất hợi thu thất nguyệt, kim thượng hoàng đế thân tiền triều chi mệnh, nhược viết: “Cận niên tùng lâm thanh quy vãng vãng tăng tổn bất nhất, ư thị đặc sắc Bách Trượng sơn Đại Trí Thọ Thánh thiền tự Trụ trì Đức Huy trùng tập.” Kỳ vi thư nhưng Sắc Đại Long Tường Tập Khánh tự Trụ trì Đại Hân tuyển hữu học nghiệp sa-môn, cộng hiệu chính chi, kỳ ư qui nhất sử tuân hành vi thường pháp. Đức Huy đẳng phụng mệnh duy cẩn. Thư tương thành, chúc Huyền vi tự, Huyền thường văn chư sư viết: “Thiên địa gian vô nhất sự vô lễ nhạc. An kỳ sở cư chi vị vị lễ. Lạc kỳ nhật dụng chi thường vị nhạc.” Trình Minh Đạo tiên sinh nhất nhật quá Định Lâm tự, ngẫu kiến trai đường nghi, vị nhiên thán viết: “Tam đại lễ nhạc tận tại thị hỹ. Khởi phi thanh qui cương kỷ chi lực hồ? Viết phục hành chi thục cố năng nhiên hồ? Tuần kỳ đương nhiên chi tắc, nhi tự nhiên chi diệu; hành hồ kỳ trung tư tắc bất tri giả dĩ vi sự lý chi chướng, nhi tri chi giả tắc dĩ vi an lạc pháp môn cố tại thị dã”. Nhiên sử thị thư bàng nhiên tạp nhi bất luân, tắc hữu tự nhi hoà chi ý, cửu nhi vi hỹ. Cố hiệu thù chi công hữu ích ư thị thư thậm đại. Nhi lưỡng triều gia huệ học nhân chi chỉ, tương vi vô cùng yên. Tống thanh

qui hành, Dương văn công Ức vi tự bổn mạt, điều mục cụ tường, tư bất trùng xuất vân. Chí Nguyên nhị niên Bính tý xuân tam nguyệt thượng cán. Hàn lâm trực học sĩ trung đại phu tri chế cáo đồng tu quốc sử quốc tử tế tửu Lư Lăng Âu Dương Huyền tự. Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển đệ bát chung

BAØI TÖÏA SAÙCH SAÉC TU BAÙCH TRÖÔÏNG THANH QUI

[1159a05] Vào khoảng năm Thiên Lịch Chí Thuận (1328-1332) Hoàng đế Văn Tông kiến tạo ngôi chùa Đại Long Tường Tập Khánh tại Kim Lăng. Đến khi chùa hoàn thành, tăng chúng mười phương đến cư trú, thì được thánh chỉ truyền lệnh thực hành thanh quy của Bách Trượng. Tháng bảy mùa thu, năm Ất Hợi, niên hiệu Nguyên Thống năm thứ ba, đức Kim Thượng hoàng đế vâng theo mệnh lệnh của triều trước, dạy rằng: “Những năm gần đây, Thanh quy của tùng lâm thỉnh thoảng bị thêm bớt không còn thống nhất. Do vậy, trẫm truyền lệnh cho Trụ trì chùa Thiền Đại Trí Thọ Thánh núi Bách Trượng là Đức Huy sưu tập các bộ sách ấy, đồng thời truyền lệnh cho Trụ trì chùa Đại Long Tường Tập Khánh là Đại Hân tuyển chọn các Sa-môn có học thức cùng nhau hiệu chính để bộ Thanh quy được thống nhất, ngõ hầu dùng làm phép tắc hằng ngày tại chốn tùng lâm”. Đức Huy và các người khác kính cẩn phụng mệnh thực hiện Thánh chỉ. Khi sách sắp hoàn thành, Sư bèn đến

nhờ Huyền tôi viết lời tựa. Huyền tôi từng nghe các bậc tôn sư dạy rằng: “Trong khoảng trời đất này không có một việc gì là không dùng đến lễ nhạc. Sự ăn ở được yên ổn, có trật tự là nhờ có lễ. Mọi sinh hoạt hằng ngày diễn ra vui vẻ là nhờ có nhạc.” Một ngày nọ, tiên sinh Trình Minh Đạo ghé qua chùa Định Lâm, ngẫu nhiên trông thấy nghi thức của bữa thọ trai, cảm động tán thán: “Lễ nhạc của ba thời đại (Hạ, Thương, Chu) đều có tại đây vậy. Há chẳng phải do năng lực kỷ cương của Thanh quy mà được như thế ư? Chính nhờ tuân hành thuần thục Thanh quy mới được như thế! Do tuân thủ những phép tắc nhất định mà tự nhiên đạt được sự diệu dụng. Khi thực hành những quy cũ này, kẻ không biết thì cho đó là chướng ngại sự lý, còn người thông hiểu thì bảo rằng tất cả pháp môn an lạc đều hội tụ nơi đây.” Nhưng để cho cuốn sách rối rắm này trở nên mạch lạc thì cần có bài tựa để điều hòa các ý nghĩa, nhờ vậy sẽ có giá trị tốt đẹp lâu dài. Thế nên, công lao của sự hiệu chính sẽ đem lại lợi ích rất lớn cho bộ sách này. Và ân huệ mà hai triều đại (Tống, Nguyên) đã ban cho người học là vô cùng lớn lao vậy. Bộ Thanh quy này đã được ban hành từ đời Tống, và quan Hàn lâm học sĩ Dương Ức đã viết tựa trình bày đầu đuôi điều mục đầy đủ rõ ràng, ở đây không cần phải lập lại nữa. Thượng tuần tháng ba mùa xuân năm Bính Tý, niên hiệu Chí Nguyên năm thứ hai (1336), Hàn lâm trực học sĩ Trung đại phu tri chế cáo đồng tu quốc sử quốc tử tế tửu Lô Lăng Âu Dương Huyền viết tựa. Sắc tu Bách Trượng thanh quy quyển thứ 8 hết

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.